

Model		ALLi UPS (삼성)										
		303Q	403Q	503Q	803Q	104Q	124Q	154Q	204Q	304Q	404Q	504Q
Dung lượng (KVA)		30	40	50	80	100	120	150	200	300	400	500
입력	Pha	3φ 3W hoặc 3φ 4W										
	Điện áp định mức	220V/380V, 208V/120V, 220V, 380V, 440V, khác										
	Tần số định mức	60Hz ±5% hoặc 50Hz ±5%										
	Dải tần số	hơn 0.98										
	Hệ số công suất	trong vòng 5%										
	Điện áp biến dạng	trong vòng 2%										
	Phương pháp kiểm soát	Ứng dụng DSP hiệu quả cao, điều khiển PWM vector không gian (SVM)										
출력	Pha	3φ 3W hoặc 3φ 4W										
	Điện áp định mức	220V/380V, 208V/120V, 220V, 380V, 440V, khác										
	Ổn định điện áp	trong vòng 1%										
	Tần số định mức	60Hz hoặc 50Hz										
	Độ ổn định tần số	trong vòng ± 0.5Hz										
	Sự biến động điện áp tạm thời	trong vòng ± 5%										
	Tốc độ phản ứng nhanh	Trong thời hạn 20ms (khi quay trở lại trong ± 2%)										
	Méo dạng sóng	Dưới 2% trọng tải, dưới 3% đối với tải không cân bằng, dưới 5% đối với tải phi tuyến										
	Công suất quá tải	120% trong 10 phút, 150% trong 1 phút										
	Phương pháp kiểm soát	Ứng dụng DSP hiệu quả cao, điều khiển PWM vector không gian (SVM)										
	Biến áp	Khôi phục chức năng										
	Tổng hiệu suất	hơn 88%			hơn 90%				hơn 92%			
	Tiếng ồn (1M ở khắp mọi nơi)	hơn 60dB			hơn 65dB			hơn 68dB		hơn 75dB		
동기절체	Thời gian chuyển	trong vòng 4mS										
	Phương pháp chuyển mạch	Phương thức truyền đồng bộ không tuần tự										
	Điều kiện chuyển	Inverter lỗi, quá tải đầu ra, điện áp thấp DC, các điều kiện quy định khác										
일반특성	Sử dụng định mức	On Line Double Conversion Type 100% sử dụng liên tục										
	Báo động mất điện	Khi sử dụng pin, mỗi 4 giây một lần phát ra tiếng báo động (liên tục)										
	Hiển thị trạng thái	Màn hình LCD, LED										
	Hệ thống làm lạnh	Cưỡng chế										
	Loại lắp đặt	Trong nhà										
	Giao diện	Cổng giao tiếp RS 232 hoặc RS 485 (theo yêu cầu)										
	Nhiệt độ và độ ẩm	0 °C ~ 40 °C. Dưới 95%										
	Sơn màu	Màu tiêu chuẩn của nhà sản xuất										
Nơi lắp đặt	Trong phạm vi 1000m trên mực nước biển (trong nhà)											
축전지 (Battery)	Điện áp định mức (DC)	192V, 240V, 360V										
	Thời gian lưu điện	Theo yêu cầu của khách hàng										
	Loại ắc quy	Theo yêu cầu của khách hàng										
외함 크기	Chiều rộng	670	770	770	1080	1080	1080	1600	1600	2400	2800	3200
	Chiều sâu	790	790	790	810	810	810	810	810	850		900
	Chiều cao	1520	1600	1600	1800	1800	1800	1900	1900	1900	1900	1900
중량	Kg, (không bao gồm tùy chọn)	540	780	850	1100	1300	1400	1500	1700	2200	2400	2600